

Chương V

NHÀ TÂN (221-206) (Thời của pháp gia)

1. Tân Thủy Hoàng

Ở trên tôi đã nói đời Chiến Quốc có một thương nhân buôn cả vua. Thương nhân đó: Lã Bất Vi, có một người thiếp đẹp, khi biết nàng bắt đầu có mang đem dâng nàng cho một thái tử của Tân làm con tin ở Triệu. Thái tử đó về Tân làm vua, phong Lã làm tể tướng. Sau nàng sinh con trai, vua Tân cho nối ngôi, tức Tân Thủy Hoàng. Hồi Tân Thủy Hoàng còn nhỏ, Lã nhiếp chính. Lần đó là lần đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa, một thứ dân con buôn được cầm quyền chính như vậy. Không rõ ông ta buôn gì mà mau giàu như vậy - có lẽ

là buôn ngựa - nhưng ông ta có học chút ít, thích bọn "thi, thư", chủ trương chính sách hòa bình. Lớn lên Tần Thủy Hoàng bãi chức ông mà dùng Lí Tư. Trong thời làm tể tướng, Lí bảo các môn khách chung nhau soạn bộ *Lữ Thị Xuân Thu*, gần như một sử tư tưởng, học thuật cuối thời Chiến Quốc.

Tần Thủy Hoàng tư cách tâm thường, tính tình hung dữ, rất tin dị đoan. Các sử gia đời sau đều theo Khổng học, rất chê ông ta, nhưng các sử gia phương Tây nhận ông là một trong những vĩ nhân cổ kim. Ông chỉ cầm quyền chức chưa đầy mười lăm năm mà làm cho nước Trung Hoa thay đổi hẳn, thống nhất về mọi mặt, mở mang thêm bờ cõi, thành một đế quốc lớn thời thượng cổ.

Ông cho rằng công đức của mình ngang với Tam hoàng Ngũ đế, nên tự xưng là Hoàng Đế, hiệu là Thủy Hoàng, nghĩa là vị hoàng đế đầu tiên, và muốn cho con cháu đời sau nối tiếp nhau lấy danh hiệu : nhị thế, tam thế... cho đến vạn thế. Những danh từ xưng hô như trăm, vạn, đều do ông đặt ra.

2. Tổ chức hành chánh

Ông bắt vương tộc sáu nước mà ông đã chiếm, cả gia đình các đại thần của họ nữa phải dời lại Hàm Dương, kinh đô của Tần, như vậy để họ bị bưng hết rễ, không sao ngóc đầu lên được. Đất đai của họ đem phát mãi hết.

Ông chia đất của sáu nước thành quận, huyện. Thời Thương Ưởng, Tần đã chia làm nhiều huyện, mỗi huyện là một đơn vị hành chánh trực thuộc triều đình, có một viên quan thu thuế. Sau lập thêm quận ở những

miền mới chiếm được. Quận là một quan khu lớn, nhất là ở những miền mới chiếm được. Vì muốn thống nhất quốc gia, vua Tần bắt huyện tùy thuộc quận, mỗi quận gồm nhiều huyện, viên chủ quận là một võ quan. Sau tổ chức lại, mỗi quận gồm một quận thủ coi về dân sự, và một quân úy coi về quân sự. Ở trên cả, có một viên giám ngự sử chỉ chịu trách nhiệm với nhà vua, như vậy không một viên nào chuyên quyền được, không thể thành một ông chúa như trong thời phong kiến. Thời Tần Thủy Hoàng, Trung Hoa chia làm 36 quận tất cả, cũng như tỉnh ngày nay.

3. Trọng nông

Tần theo pháp gia ⁽¹⁾ khuyến khích binh, nông ; ghét công, thương. Muốn nắm hết cái lợi thương nghiệp, triều đình đầy hết các phú thương có những xưởng sản xuất sắt lại miền nam Thiểm Tây và miền Tứ Xuyên. Sử chép có hai trăm ngàn gia đình phú thương, tiểu thương bị đầy lại xứ Thục và miền An Dương, ở phía nam Lạc Dương ngày nay, chắc là để làm ruộng. Ngày nay có nước cũng áp dụng chính sách đó.

Nông dân được ưu đãi. Đất không còn là sở hữu của nhà vua nữa, mà của người làm ruộng. Người chủ ruộng có quyền bán ruộng và ai cũng có quyền mua. Chế độ đó gọi là *danh điền*, tạo nên một giới địa chủ ; bọn đại địa chủ có những cơ sở rất lớn và lần lần thành một giai cấp có quyền hành tương tự như các chư hầu nhỏ thời trước, hoặc các lãnh chúa bên châu Âu thời trung cổ.

(1) Coi chương sau.

Năm hay mười nhà họp nhau thành một liên gia, chịu chung trách nhiệm với nhau. Chế độ đó đem áp dụng ở khắp Trung Hoa cho tới đầu đời Hán. Tráng đinh nào cũng phải đi lính tới già. Gia đình nào có ba người đàn ông thì phải chia làm hai hộ. Hình luật tàn khốc hơn thời trước nhiều.

4. Thống nhất văn tự, đồ đo lường, tư tưởng

Thời Chiến Quốc, mỗi miền có một ngôn ngữ, người nước Yên không hiểu tiếng nước Sở, người nước Triệu không biết tiếng nước Việt - mà ngày nay cũng còn tình trạng người Quảng Đông ít học không hiểu nổi tiếng Bắc Kinh - Một viên quan Tần phải đi cai trị một nước khác, không hiểu ngôn ngữ nước đó thì khó làm tròn nhiệm vụ được. Ngay đến chữ viết cũng vậy. Những gì thiên tử nhà Chu thông báo cho các chư hầu đều viết bằng thứ chữ đại triện ; nhưng chữ đó không phổ biến và kẻ sĩ các nước thường dùng một lối chữ khác.

Vì vậy tể tướng Lí Tư nghĩ tới việc thống nhất ngôn ngữ và văn tự. Chúng ta không biết ông thống nhất ngôn ngữ ra sao ; về văn tự thì ông giản dị hóa lối đại triện, qui định một lối viết khác gọi là tiểu triện, và lối này thành thông dụng trong toàn cõi Trung Hoa.

Ông lại thống nhất các đồ cân, lường (cả nông cụ cày, bừa...), như vậy để dễ tính thuế và thu thuế. Thuế trả bằng lúa, phải dùng thuyền, xe chở lại các quận và kinh đô. Cho nên lại phải thống nhất khoảng cách giữa hai bánh xe (xe đồng qui), nếu không thì những xe quá lớn vào những đường nhỏ không được.

Quan trọng hơn cả là thống nhất tư tưởng. Về điểm này Pháp gia (Lí Tư, Hàn Phi) chịu ảnh hưởng của Mặc Tử. Mặc tử trước kia đã chủ trương "thượng đồng", nghĩa là bất dân phải tán đồng lẽ phải với người trên, phải cùng một quan niệm tốt xấu với người trên. Không ai được có một chủ trương riêng khác với chính sách của triều đình. Tần ghét nhất bọn nho sĩ, triết gia mở trường tư dạy đạo lí, chỉ trích chiến tranh và hình pháp tàn bạo. Tần chỉ muốn nhồi nặn dân chúng cho thành dễ bảo, rất có kỉ luật. Tự do tư tưởng, tự do ngôn luận là tội nặng nhất. Tứ thư và ngũ kinh của đạo Nho bị coi là cực kì phản động vì khiến cho dân nhớ tiếc trật tự cũ của chế độ phong kiến. Năm 213, theo đề nghị của Lí Tư, Thủy Hoàng ra lệnh "đốt sách và chôn nho": đốt hết các bản tứ thư, ngũ kinh và bách gia chư tử trong dân gian, chỉ giữ lại một bản tàng trữ trong thư viện của triều đình. Các bộ sử của lục quốc cũng phải đốt hết, chỉ được giữ những sách về kĩ thuật, như sách thuốc, sách trồng trọt, sách bói... Kẻ nào không tuân lệnh mà lén lút giữ thì bị kết tội là phản quốc. Có người phải giấu sách vào trong tường, có người lại ráng học thuộc lòng thư và kinh để truyền miệng lại đời sau. Năm chục năm sau (đời Hán) lệnh phân thư đó mới bãi bỏ, không ai có thể nhớ đúng tứ thư, ngũ kinh cả. Còn bản cất trong thư viện triều đình thì đã bị đốt theo với Hàm Dương trong cuộc cách mạng của nông dân cuối đời Tần.

Do đó mà sách đời Tiên Tần mất rất nhiều, cuốn nào còn lại thì cũng bị thêm bớt, sửa chữa, khó tin được là chính xác ; lại thêm cái nạn ngụy thư : người đời sau viết mà mượn tên người đời trước, để cho tác phẩm của mình có giá trị, như bộ *Quán Tử* chẳng hạn.

Số nhà Nho bị chôn sống ở Hàm Dương là 460 người. Sau mỗi ngày mỗi đông, đều bị đẩy ra ngoài biển.

Các trường tư bị dẹp hết. Dân muốn học thì phải học các quan (bác sĩ) của triều đình, mà chỉ được dạy cho mỗi một môn là pháp luật của quốc gia.

5. Xây cất

Thủy Hoàng giao hết việc trị nước cho Lí Tư, mà để thì giờ đi kinh lý các miền, xây đường sá, tổ chức các trạm và xây cung điện.

Những đường từ kinh đô Hàm Dương đưa đi bốn phương đều rộng, thẳng băng, có ba lối cho xe chạy, trồng cây hai bên lề, muốn vậy phải san núi, lấp thung lũng, tốn biết bao nhiêu nhân công ! Theo Eberhard, đường rộng 7 mét rưỡi, nhưng theo Tsui Chi thì là 75 mét. Đường đó chỉ để cho vua và quan lớn đi, còn dân chúng thì phải dùng đường mòn ở hai bên.

Khi chiếm được kinh đô một nước chư hầu nào, Thủy Hoàng sai người vẽ kiểu cung điện của nước đó để về xây dựng lại y hệt tại Hàm Dương, ở bên cung điện của ông, thành một dãy dài mấy dặm. Bao nhiêu đồng trong thiên hạ gom cả về để đúc những tượng 24.000 cân bày trong cung đình.

Ngoài ra, ở gần kinh đô, ông còn xây một cung để nghỉ mát mùa hè, cung A Phòng, trên bờ sông Vị. Phải dùng 700.000 tù nhân để cát, chở đá từ các núi phương Bắc xuống, chở gỗ từ các rừng phương Nam lên (coi bài A Phòng cung phú của Đỗ Mục đời Đường).

Chưa hết, trong một khoảng mà bán kính dài trên trăm cây số chung quanh kinh đô, còn xây thêm 270

cung điện nữa. Bao nhiêu châu báu, nhạc công và vũ nữ của lục quốc, ông gom cả về đó để làm vui tai mắt cho ông. Tương truyền cuối đời Tần, kinh đô bị chiếm và đốt, ba tháng sau ngọn lửa mới tắt. Các vua Ai Cập, Babylone thời cổ cũng không xa xỉ hơn ông.

Công trình kiến trúc lớn lao nhất, tới nay vẫn còn dấu vết là Vạn Lí Trường Thành. Sự thực nhiều khúc thành đã được các nước Yên, Triệu, Ngụy xây từ thời trước, nay ông chỉ cho nối lại, kéo dài, củng cố thêm, để thành một thành duy nhất dài cả ngàn cây số. Ba trăm ngàn chiến sĩ với không biết bao nhiêu tội nhân, quan lại phạm lỗi, nho sĩ không tuân lệnh đốt sách... phải làm khổ sai trong một miền rừng núi trùng trùng điệp điệp, mùa đông thì lạnh buốt, nước đóng băng, mùa hè thì không khí nóng như nung, mù mịt cát bụi. Trên thành cất những đồn canh, và có đường rộng chạy ngựa được nối các đồn với nhau. Không biết bao nhiêu người bỏ mạng, không biết bao nhiêu lời than thở, bao nhiêu nước mắt của thân nhân những người đó, không văn nhân thi sĩ nào chép lại hết được. Nhưng trong dân gian còn truyền lại nỗi khổ của nàng Mạnh Khương, thương nhớ chồng, đi mười ngàn dặm để thăm chồng bị bắt đi xây thành, tới nơi thì chồng nàng đã chết rồi. Chung quanh chỉ là rừng núi và đá. Không biết kiếm xác chồng ở đâu, nàng tuyệt vọng, khóc mấy ngày mấy đêm, khóc tới nổi, chính cái thành cũng phải mũi lòng, frtThành xây cất xong, giúp cho Trung Hoa ngăn được các rợ xâm lăng trong một thời gian, chứ làm sao ngăn cản được một cách vĩnh viễn. Hễ Trung Hoa suy, các rợ du mục thịnh lên thì họ lại vượt qua được trường

thành, vào chiếm các cánh đồng phì nhiêu của Trung Hoa. Hiện nay thành nằm ở phía dưới biên giới, không còn dùng vào việc gì nữa, ngoài cái việc thu hút khách du lịch ngoại quốc ⁽¹⁾.

6. Mở mang bờ cõi

Mới hoàn thành sự thống nhất Trung Quốc, chưa kịp củng cố ở trong, Thủy Hoàng đã nghĩ đến việc mở mang bờ cõi ra nước ngoài.

Các dân tộc du mục miền Bắc gọi chung là Hung Nô vẫn là mối lo từ thời Thương, Chu ; họ thường xâm lấn biên giới, có chỗ sống lẫn lộn với người Trung Hoa ; đầu đời Tần họ đã len lỏi vào Hà Nam, Thủy Hoàng vội chặn họ lại, sai Mông Diêm đem quân lên đánh, dồn họ về Bắc, và đắp Trường thành để ngăn họ.

Yên ở phương Bắc rồi, ông sai Đồ Thư đi đánh lấy Bách Việt, tức các tỉnh Chiết Giang, Quảng Đông, Quảng Tây, và một phần Bắc bộ nước ta, thời đó gọi là Âu Lạc (thời An Dương Vương).

Vậy Thủy Hoàng đã lập được một đế quốc vào bậc lớn nhất thế giới và người phương Tây, do những thương nhân chở lụa qua bán, đã biết danh nhà Tần, gọi Trung Hoa là nước Tần.

Chỉ trong mười mấy năm Thủy Hoàng thực hiện được bấy nhiêu công trình về nội trị, tổ chức hành chánh, thống nhất ngôn ngữ, văn tự..., xây cất, đắp đường, mở mang cương vực, đáng gọi là vĩ đại.

Nhưng dân chúng đã phải cực khổ biết bao. Dân Tần vốn còn bán khai, gần như dã man, hung hãn, không có văn học, nghệ thuật (tới năm 237 mà trong các buổi tế lễ, vẫn còn dùng nhạc cụ rất thô sơ là những vỏ bằng đất), có thể chịu được sự thiếu thốn, lao khổ vì họ quen rồi, còn dân lục quốc đã văn minh, rất uất hận dưới cái ách của Tần mà họ coi như mọi rợ, chỉ chờ cơ hội để nổi dậy. Đó là một nguyên nhân khiến Tần rất mau suy vong.

7. Thủy Hoàng chết - Nhị Thế lên thay

Trong một cuộc kinh lí, Thủy Hoàng đã bị Trương Lương (Tử Phòng) ⁽¹⁾ thuê võ sĩ đón đường ám sát hụt ở Bắc Lăng Sa. Trong một cuộc kinh lí sau, năm 210, ông bị bệnh, chết ở dọc đường, người ta phải chở lên thây ông về Hàm Dương, rồi mới tuyên bố cho dân biết, và chôn trong một ngôi mộ đã xây sẵn ở Li Sơn. Trong mộ chứa rất nhiều châu báu, có một bản đồ một trăm con sông, trên đó sông Hoàng Hà, sông Dương Tử và biển Đông đều bằng thủy ngân. Hàm mộ ngày đêm đều thắp đèn đốt bằng dầu cá, một loại cá đặc biệt giống hình người. Quan tài hạ rồi, người ta nấu đồng để gắn phân mộ và đặt một cái máy để hễ có kẻ nào lên vào đào mã thì sẽ bị những mũi tên từ mọi chỗ phát ra, tự động bắn vào. Tương truyền lăng đó 700.000 người xây cất trong nhiều năm.

Thủy Hoàng băng rồi, thừa tướng Lí Tư và hoạn

(1) Trường thành ngày nay không hoàn toàn như thời Tần, vì đã được các đời sau Bắc Ngụy, Đường, Minh đắp thêm. Nó bắt đầu Thanh Hải đến Triều Tiên, dài 4.500 dặm, cao từ 15 đến 30 thước, chân rộng 25 thước.

(1) Sau Trương Lương giúp Lưu Bang diệt Tần, lên ngôi, tức Hán Cao Tổ ; nhưng cũng như Phạm Lãi, công thành thân thoái, Trương không ham phú quý, bỏ đi ở ẩn.

quan Triệu Cao làm chiếu giả, không lập Phù Tô (Thái tử) mà lập thứ tử Hồ Hợi lên ngôi, tức Nhị Thế Hoàng đế (Hoàng đế đời thứ nhì).

Nhị Thế cũng hà khắc, tàn nhẫn như cha, giết nhiều vương tử, đại thân. Lí Tư bị Triệu Cao ghét, gièm pha, Nhị Thế giết cả ba họ (họ cha, họ mẹ, họ vợ) của Lí. Sau Triệu Cao lại giết Nhị Thế (207), lập con Phù Tô, tên Anh, lên thay. Vương tử Anh (hoặc Tử Anh) lên ngôi rồi giết Triệu Cao, tiếp theo là Tần mất nước. Nhà Tần trước sau chỉ được mười bốn năm, từ vua tới đại thân, không người nào không bắt đắc kì tử. Thời của Pháp gia thật ngắn ngủi và hết sức bi thảm. Nhưng phải nhận rằng họ có công thống nhất Trung Quốc.

8. Nhà Tần chấm dứt - Hạng Võ và Lưu Bang

Thủy Hoàng vừa mới chết là các anh hùng ở thảo dã nổi lên. Chỉ trong vài tháng, có sáu cuộc nổi loạn, đáng kể là Trần Thắng ở đất Kì (An Huy ngày nay), một nông dân đầu tiên phát cờ khởi nghĩa, nhưng sớm thất bại ; rồi tới Hạng Tịch (cũng gọi là Hạng Võ) ở đất Ngô (Giang Tô) và Lưu Bang ở đất Bái (cũng trong tỉnh Giang Tô ngày nay).

Hạng Võ là dòng dõi tướng nước Sở, Lưu Bang ở trong giới bình dân. Hạng Võ không học, nhưng có sức mạnh (nhấc nổi cái đỉnh 500 cân), giỏi chiến thuật, đáng gọi là anh hùng. Lưu Bang cũng gần như vô học, làm đình trưởng (một chức nhỏ trong làng) cho Tần, tham tài, hiếu sắc, gặp thời loạn, thả một bọn tù, kết nạp được một số lưu manh và nông dân, lực lượng rất nhỏ, nhưng biết chiêu hiền đãi sĩ, may mắn được vài anh tài giúp sức : Tiêu Hà về việc tài chính (như tế

tướng), Trương Lương làm mưu thần ⁽¹⁾, mà mỗi ngày một mạnh lên.

Mới đầu Hạng Võ và Lưu Bang đều lấy danh nghĩa là giúp một hậu duệ của vua Sở (Sở Hoài vương) để đánh Tần, hẹn với nhau ai vào được Hàm Dương (kinh đô Tần) trước thì được xưng vương, làm chủ Quan Trung (Tân). Lưu Bang vào được trước, Vương tử Anh xin hàng. Nhà Tần chấm dứt. Lưu Bang nghe lời Trương Lương, vỗ về nhân dân, không cho quân lính cướp bóc đốt phá.

Nhưng Lưu Bang tự lượng sức yếu hơn Hạng Võ nhiều (lúc đó Hạng Võ đã tới Hàm Cốc, cửa ngõ phía Đông của Tân), nên nhường cho Hạng Võ vào Hàm Dương xưng vương. Vào Hàm Dương, Hạng Võ không nghe lời can của Phạm Tăng, giết Vương tử Anh, đốt cung điện nhà Tần, cung A Phòng lửa cháy ba tháng mới tắt, lại quật mộ Tần Thủy Hoàng lên để vơ vét vàng bạc châu báu.

Hạng tôn Sở Hoài vương làm Nghĩa đế, rồi lại giết đi, tự lập làm Tây Sở Bá Vương (Bá vương nghĩa là vương mà làm bá chủ các vương khác), phong Lưu Bang làm Hán vương ở đất Ba Thục và đất Hán Trung (trên lưu vực sông Hán, miền Thiểm Tây)... và cả chục tướng nữa, mỗi người được làm vương một miền nhỏ.

Lưu Bang vào Ba Thục, luyện tập binh mã, khai khẩn đất hoang ngày một mạnh lên, tranh ngôi vua với Hạng Võ ⁽¹⁾. Hạng Võ vì nóng nảy hiếu sát, tự phụ, không

(1) Về sau được thêm Hàn Tín nữa, cầm quân rất giỏi, đời gọi là tam kiệt.

chịu nghe lời can của Phạm Tăng, chống cự được năm năm, sau bị quân Lưu Bang vây chặt ở Cai Hạ.

Biết vận mình sắp hết, Hạng Võ nửa đêm dậy uống rượu với ái cơ tên là Ngu, xúc động, ứng khẩu hát:

Lực bạt sơn hê, khí cái thế !

Thì bất lợi hê, truy bất thế !

Truy bất thế hê, khả nại hà ?

Ngu hê, Ngu hê, khả nại hà ?

(Sức nhổ núi chừ, hùng khí trùm đời !

Thời chẳng gặp chừ, con "truy" không chạy !

Con "truy" không chạy, còn biết làm sao ?

Ngu ơi ! Ngu ơi ! Em rồi ra sao ?) ⁽²⁾

Nàng Ngu hát theo :

Đại vương ý khí tận,

Tiền thiệp hà liêu sinh ?

(Đại vương ý khí hết,

Tiền thiệp sống làm gì ?)

Hai người cùng khóc. Người chung quanh cũng khóc. Rồi nàng dùng gươm của Hạng Võ, tự đâm cổ chết.

Sáng sớm hôm sau, Hạng Võ lên ngựa cùng với 800 quân phá vòng vây, qua sông Hoài, số quân theo kịp chỉ còn khoảng 100. Lạc đường, lại bị vây nữa. Một mình

(1) Vây Ba Thục thành đất phát của nhà Hán, cho nên sau này Khổng Minh khuyên Lưu Bị lui về Ba Thục.

(2) Truy là con tuấn mã tạp sắc.

Hạng Võ xông ra chém một tướng và cả trăm quân Hán. Phá được vòng vây, chạy tới Ô Giang (tỉnh An Huy), cùng đường, phải xuống ngựa, cầm gươm, một mình giết được mấy trăm quân Hán nữa, trên người bị hơn mười vết thương, tự đâm cổ mà chết (31 tuổi), chứ không cho quân Hán bắt sống.

Vụ Cai Hạ và Ô giang đó vừa là một thiên chiến sự oai hùng, vừa là một thiên tình sử đẹp mà cảm động, được Tư Mã Thiên chép lại trong bộ *Sử Ký* bằng một bút pháp rất cao, và được biết bao văn nhân thi sĩ đời sau đưa vào tiểu thuyết, tuồng. Đoạn trên tôi đã chép theo *Sử Ký*.

Cuộc Hán Sở (Hán vương và Sở vương) tranh hùng tới đây chấm dứt.

*
* *
*

Lưu Bang thắng, lên ngôi thiên tử (202), tức Hán Cao Tổ, rồi về cố hương ở đất Bái, bày tiệc rượu say sưa với bà con, làng xóm, ứng khẩu ca :

Đại phong khởi hề, vân phi dương,

Uy gia tứ hải hề, qui cố hương.

An đắc mãnh sĩ hề, thủ tứ phương.

(Gió lớn thổi chừ, mây bay ngang,

Uy khắp trong nước chừ, về cố hương.

Sao được mãnh tướng chừ, giữ bốn phương.)

Khí phách của hai người hiện rõ trong những bài hát đó : một kẻ là anh hùng tự phụ, lắm lời mà không tự trách lại trách thời bất lợi ; một kẻ là hạng tâm

thường, gặp thời, được người giúp mà nên một cách bất ngờ, chỉ lo cố giữ địa vị để hưởng thụ.

*
* *
*

Trong các đời trước, Thương và Chu đã có những cuộc cách mạng của Thành Thang, Võ vương (đổi mệnh trời, nghĩa là đổi ngôi vua), toàn là của quý tộc. Tới cuối đời Tần mới bắt đầu có những cuộc cách mạng của nông dân, mà cuộc cách mạng của Lưu Bang là cuộc đầu tiên thành công (Trần Thiệp - cũng gọi là Trần Thắng - chỉ làm vua được sáu tháng rồi bị Tần diệt).

Trong các đời sau, cho tới thế kỉ chúng ta, hầu hết các cuộc cách mạng đều do nông dân cả, và một số học giả phương Tây bảo không một dân tộc nào mà nông dân làm cách mạng nhiều như dân tộc Trung Hoa.

Tôi nhận thấy điều này nữa : cầm đầu những cuộc cách mạng của nông dân đó hầu hết là người trong giới bình dân, vô học hay rất ít học, tài năng không có, tư cách tầm thường, và chỉ bọn họ mới thành công ; còn, hạng tài cao, anh hùng cái thế thì thất bại như Hạng Võ vì nóng nảy, hiếu sát như trên đã nói ; bọn học rộng, hiểu nhiều, sáng suốt, đức lớn, hồi xưa gọi là kẻ sĩ thì chỉ làm cố vấn, quân sư, mưu sĩ được thôi, có lẽ họ khác nông dân về ngôn ngữ, lối suy tư, lối sống, tự xét không lôi cuốn nổi nông dân mặc dầu được nông dân trọng ; rốt cuộc chỉ hạng như Lưu Bang là làm nên sự nghiệp lớn : nông dân nghe họ và họ biết nghe lời kẻ sĩ. Vậy thì gây cách mạng là hạng bình dân mà cách mạng thành công được là nhờ kẻ sĩ. Xưa như vậy mà nay cũng vậy.